

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TPNĐ
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2023/HS-ST

Ngày: 20-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TPNĐ, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Chung

Bà Đặng Thị Châu Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Phương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân TPNĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân TPNĐ, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 282/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Trọng T, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số nhà 3/9/83 đường Cù Chính L, phường Trần Tế X, TPNĐ, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 4/10; con ông: Trần Trọng Đ và bà Ngô Thị T; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/9/2023 đến ngày 25/9/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số nhà 5D phố Thành C, phường Bà T, TPNĐ, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7h30 ngày 16/9/2023 Trần Trọng T điều khiển xe máy Attila biển kiểm soát 30N1-3540 từ nhà để đi làm ở huyện Vụ B, tỉnh Nam Định. Khi đi qua số nhà 5D đường Thành C, phường Bà T, TPNĐ, T phát hiện trên vỉa hè trước cửa nhà có để 01 xe máy Honda Vision biển kiểm soát 18L1-294.09 của bà Trần Thị H, sinh năm 1959, trú tại 5D Thành C, phường Bà T, TPNĐ, đầu xe quay vào cửa

nhà, đuôi xe quay ra đường Thành C, tại hộc bên trái đầu xe có 01 điện thoại. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên nên đi vòng xe lại đỗ xe bên phía đối diện nhà 5D Thành C rồi đi bộ đến chỗ xe máy của bà H rồi dùng tay trái lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần bên trái, sau đó đi bộ sang đường lấy xe tẩu thoát. Sau đó T kiểm tra chiếc điện thoại trộm cắp được là chiếc điện thoại Iphone 13 Promax, thấy có đặt mật khẩu màn hình nên tắt nguồn điện thoại để tránh bị phát hiện.

Sau khi phát hiện bị mất điện thoại bà H đã trình báo cơ quan công an và tự nguyện giao nộp 01 đoạn video hình ảnh camera lắp đặt trước cửa ngôi nhà 5D Thành C, góc quay hướng ra đường Thành C ghi lại hình ảnh 01 người đàn ông trung tuổi mặc áo mưa dạng trùm màu xanh, mặc quần đùi màu ghi, đi dép màu ghi, đội mũ bảo hiểm màu xanh, không đeo khẩu trang đã dùng tay trái lấy chiếc điện thoại Iphone 13 Promax ở hộc bên trái đầu xe Vision bỏ vào túi quần sau đó tẩu thoát (ký hiệu A1) và 01 file hình ảnh (ký hiệu A2).

Bản kết luận giám định số 1501/KL-KTHS ngày 18/10/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong toàn bộ mẫu gửi giám định (ký hiệu A1, A2).

Quá trình điều tra, Trần Trọng T đã xin đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại Iphone 13 Promax đã trộm cắp; ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ 01 mũ bảo hiểm màu xanh, 01 áo mưa màu xanh lá có chữ “Sprite”, 01 áo phông cộc tay không cổ màu xanh, có chữ “Tommy”, 01 quần đùi màu ghi, 01 đôi dép màu ghi có chữ Nike tất cả là trang phục T mặc khi trộm cắp tài sản và 01 xe máy Attila biển kiểm sát 30N1-3540.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TPND kết luận chiếc điện thoại Iphone 13 Promax có trị giá 16.500.000 đồng. Cơ quan điều tra công an TPND đã trả lại chiếc điện thoại trên cho bà Trần Thị H, bà H nhận lại và không đề nghị gì khác.

Bản cáo trạng số 304/CT-VKSND-TPND ngày 07-11-2023 Viện kiểm sát nhân dân TPND truy tố Trần Trọng T tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Trọng T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt chính: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Trọng T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú

giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TPND, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Về tội danh:

Khoảng 07h30 ngày 16/9/2023, Trần Trọng T đã có hành vi trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 13 Promax có trị giá 16.500.000 đồng của bà Trần Thị H tại khu vực trước cửa nhà số 5D Thành C, phường Bà T, TPND.

Hành vi của bị cáo Trần Trọng T còn được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; biên bản giao, nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử; biên bản ghi lời khai của bị hại; biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu biên bản thu giữ và trả tài sản; kết luận định giá tài sản; biên bản ghi lời khai người làm chứng; thấy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về tình tiết định khung tăng nặng:*

Hành vi của bị cáo không cấu thành tình tiết định khung tăng nặng.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

4.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội; vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

4.3. *Về hình phạt chính:*

Trên cơ sở xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo Trần Trọng T có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định ở khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo vì vậy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

4.4. Về hình phạt bổ sung:

Xét tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc điện thoại bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bị hại, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về phần bồi thường dân sự:* Tài sản bị cáo chiếm đoạt là chiếc điện thoại Iphone 13 Promax, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm, vì vậy vấn đề dân sự không đặt ra để giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng bị cáo tự nguyện giao nộp gồm: 01 mũ bảo hiểm, 01 áo mưa, 01 áo phông cộc tay, 01 đôi dép, 01 quần đùi. Các tài sản trên bị cáo khai là tài sản riêng của bị cáo nhưng hiện không có giá trị sử dụng, vì vậy tất cả vật chứng trên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[7] *Án phí Hình sự sơ thẩm:* Bị cáo Trần Trọng T bị kết án nên phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Trọng T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:
 - Xử phạt bị cáo Trần Trọng T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/9/2023 đến ngày 25/9/2023), thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng. Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Trọng T cho Ủy ban nhân dân phường Trần Tế Xương, TPNĐ, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

3. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Dân sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu xanh, 01 áo mưa màu xanh, 01 áo phông cộc tay, 01 đôi dép màu ghi, 01 quần đùi màu ghi.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/11/2023 giữa Công an TPND và Chi cục thi hành án Dân sự TPND).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Trần Trọng T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND phường Trần Tế X, TPND;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TPND;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPND;
- Công an TPND;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh